TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/HS-ST
Ngày: 22-02-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.
Bà Trương Thị Thìn.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 747/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 82/2021/HSST-QĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phan Nguyên T (tên gọi khác: Bảy), sinh ngày 24/01/1986 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: 117 tổ 9, khu phố 12, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H, sinh năm 1950 và bà Đoàn Thị N, sinh năm 1952; Gia đình bị cáo có 06 chị, em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; có vợ tên Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1986 và có 02 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016).

Tiền án: Ngày 01/11/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 24/8/2020 hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

2. Trần Quang T (tên gọi khác: Tắc), sinh ngày 23/02/1991 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: 117 tổ 9, khu phố 12, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn

giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần A N1, sinh năm 1961 (Đã chết) và bà Lục Thị L, sinh năm: 1961 (Đã chết); Gia đình bị cáo có 05 anh, chị, em và bị cáo là con thứ năm trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/8/2020, hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

3. Trần Văn B (tên gọi khác: Cố), sinh ngày 18/12/1983 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: 117 tổ 9, khu phố 12, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần A N1, sinh năm 1961 (Đã chết) và bà Lục Thị L, sinh năm: 1961 (Đã chết); Gia đình bị cáo có 05 anh, chị, em và bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ tên Lê Thị Bích Q, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2019).

Tiền án: Ngày 17/01/2017, bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Giết người".

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/9/2003, bị Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ra Quyết định đưa vào Cơ sở giáo dục thời gian 12 tháng.

Ngày 01/9/2005, bị Tòa án nhân dân TP. Biên Hoà xử phạt 14 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Ngày 19/01/2010, bị Tòa án nhân dân TP. Biên Hoà xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/8/2020, hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

4. Ung Nhật T1, sinh ngày 24/12/1994 tại Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: 62/29/16A khu phố 4, phường D, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ung Văn T2, sinh năm 1948 (Đã chết) và bà Quỳnh Ngọc H, sinh năm 1958; Bị cáo là con một trong gia đình và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/8/2020, hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

5. Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 28/03/1986 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: 117 tổ 9, khu phố 12, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 05/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần A N1, sinh năm 1961 (Đã chết) và bà Lục Thị L, sinh năm: 1961 (Đã chết); Gia đình bị cáo có 05 anh, chị, em và bị cáo là con thứ ba trong gia đình; có chồng tên Phan Nguyên T, sinh năm 1986 và có 04 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/8/2020 đến ngày 03/11/2020, được áp dụng biện pháp Bảo lĩnh cho đến nay (Có mặt).

6. Nguyễn Minh P, sinh ngày 29/6/1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 10A, khu phố 1, phường A, thành phố Biên Hòa,

tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3, sinh năm: không rõ và bà Hồ Ngọc O, sinh năm: 1971; Gia đình bị cáo có 02 anh, em và bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có vợ tên Trần Thị Diễm K, sinh năm 1989 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018); Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/4/2015, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Bị cáo bị bắt từ ngày 28/8/2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa (Có mặt).

Bị hại:

Chị Nguyễn Thị Khánh H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: 77/174 Trần Quốc Toản, khu phố 2, phường Đ, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1971; Nơi cư trú: 126 khu phố 3, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

Chị Hùng Thu H1, sinh năm 1975; Nơi cư trú: 77/174 Trần Quốc Toản, khu phố 2, phường Đ, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Thái Thị Ngọc B, sinh năm 1990 Nơi cư trú: 10D khu phố 4B, phường D, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin vắng mặt).

Ông Đào Văn L, sinh năm 1968; Nơi cư trú: 570/10/7/2/5 khu phố 5, phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

Anh Dương Đức H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: E643 Hoàng Bá Bích, tổ 38, khu phố 5A, phường LB, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 03/8/2020, Phan Nguyên T điều khiển xe Honda Cub biển số 86P1-0425 chở Trần Quang T đi kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến nhà chị Nguyễn Thị Khánh H ở địa chỉ khu phố 2, phường Đ, thành phố Biên Hòa, Phan Nguyên T nhìn vào nhà phát hiện có xe mô tô SH150i, biển số 60F2-187.93 và xe SYM Elegent, biển số 60AA-114.23. Nên Nguyên T và Quang T đến phòng trọ của Trần Văn B ở phường Đ, thành phố Biên Hòa để rủ thêm B và Ung Nhật T1 cùng quay lại trộm cắp 02 xe mô tô trên thì B và T1 đồng ý.

Sau đó, Phan Nguyên T và Trần Quang T đi bộ trước, T1 dùng xe mô tô hiệu Lyfan (không rõ biển số) chở B đến nhà chị H, còn mình thì về nhà ngủ. Tại nhà chị H, Nguyên T dùng thanh sắt cạy ô kính cửa, thò tay vào mở chìa khóa cắm trên cửa, đột nhập vào nhà lấy xe SYM Elegent đưa ra cho Quang T đem về nhà ở tổ 9, khu phố 12, phường B, thành phố Biên Hòa cất giấu. Nguyên T tiếp tục lấy xe

SH150i mang đi gửi nhà bạn là Nguyễn Minh P. Mặc dù biết xe trộm cắp nhưng P vẫn đồng ý giữ giúp T. Còn B sau khi cảnh giới xong cũng về phòng trọ ngủ.

Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, B cùng Trần Thị Ngọc M (vợ Phan Nguyên T) và Ung Nhật T1 mang xe SYM Elegent đến tiệm cầm đồ "Minh Phát 88" thuộc khu phố 5, phường D, thành phố Biên Hòa do chị chị Thái Thị Ngọc B làm chủ cầm được 3.000.000 đồng. M đưa cho T1 200.000 đồng, B 500.000 đồng, Nguyên T 2.000.000 đồng, còn M giữ lại 300.000 đồng và tiêu xài hết.

Đối với chiếc xe SH150i, biển số 60F2-187.93, tối 03/8/2020, B và T1 đến gặp P lấy xe mang đến trước quán nước của anh Phạm Anh T ở trước bến xe khách Đồng Nai, thuộc phường A, thành phố Biên Hòa và để xe lại. Anh T phát hiện chiếc xe SH150i trên nên trình báo cho Công an phường A.

Ngoài vụ trộm cắp ở trên thì Trần Văn B và Ung Nhật T1 còn thực hiện 02 vụ trộm cắp khác tại phường E, thành phố Biên Hòa, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 24/7/2020, Trần Văn B điều khiển xe Honda Cub biển số 86P1-0425 chở Ung Nhật T1, khi đi đến trước nhà C39 tổ 5C, khu phố 1, phường E, thành phố Biên Hòa thì thấy xe mô tô hiệu Honda Dylan, màu đỏ, biển số 60B1-508.23 của anh Nguyễn Văn P1 dựng trước nhà không người trông coi, có cắm sẵn chìa khóa. B dừng xe lại để T1 đi bộ đến lấy trộm chiếc xe và mang đến gặp Trần Thị Ngọc M để nhờ M mang đi cầm giùm, T1 nói dối M là xe của bạn T1. M dẫn T1 và B đến tiệm cầm đồ của anh Dương Đức H, ở tổ 38, khu phố 5A, phường S, thành phố Biên Hòa cầm được số tiền 5.000.000 đồng. T1 đưa cho M 500.000 đồng, cho B 2.500.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng T1 giữ tiêu xài cá nhân. Khoảng 10 ngày sau, T nhờ Tý (không rõ nhân thân, lai lịch) tìm người bán xe Honda Dylan với giá 6.000.000 đồng. Tý dẫn anh Đào Văn L đến gặp T1 để mua xe. Anh L không biết xe trên do T1 phạm tội mà có nên đồng ý mua với giá 7.000.000 đồng. T1 trả 5.000.000 đồng tiền cầm xe cho anh H, cho Tý 1.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng T1 giữ tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ 2: Khoảng 08 giờ ngày 30/7/2020, B điều khiển xe Honda Cub biển số 86P1-0425 chở T1 đi ngang nhà số C7 Nguyễn Bỉnh Khiêm, khu phố 2, phường E, thành phố Biên Hòa thì thấy xe mô tô hiệu Yamaha Noza màu trắng, biển số 60F1-263.98 của chị Hùng Thu H1 dựng trước nhà, không người trông coi, có cắm sẵn chìa khóa. B dừng xe lại để T1 đi bộ đến lấy trộm chiếc xe. B mang xe đến gặp chị Nguyễn Thị Ngọc O nói xe của mình bị mất giấy tờ và hỏi chị O có mua xe không. Chị O không mua nhưng giới thiệu cho bạn quen ngoài xã hội là Lê Hoàng V (không rõ nhân thân, lai lịch) và V đồng ý mua xe với giá 3.500.000 đồng. B cho T1 1.400.000 đồng, còn lại 2.100.000 đồng B giữ tiêu xài cá nhân. Sau khi biết Công an đang truy tìm chiếc xe trên, V nhờ chị O đưa xe đến Công an phường E, thành phố Biên Hòa giao nộp.

Vật chứng thu giữ:

Xe mô tô hiệu SH150i, biển số 60F2-187.93, số máy 017086KTGE1, số khung 08A08F247707;

Xe SYM Elegent, biển số 60AA-114.23, số máy MSE1AD030885, số khung 05MDHD030885;

Xe Honda Dylan, biển số 60B1-508.23, số máy 0055044HIKGG, số khung 05A03F057555;

Xe Yamaha Noza, biển số 60F1-263.98, số máy 1DR1093943, số khung DR10DY093926.

Xe Honda Cub, biển số 86P1-0425, số máy VZS139MB141479.

Tại Kết luận định giá số 359/KL-HĐĐGTS ngày 11/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: *Chiếc xe môtô SYM Elegent, biển số 60AA-144.23 có giá 9.540.000 đồng (Chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) và chiếc xe môtô SH150i, biển số 60F2-187.93 có giá 55.350.000 đồng (Năm mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)".*

Tại Bản kết luận định giá số 456/KL-HĐĐGTS ngày 14/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: *Xe Yamaha Noza Biển số 60F1-263.98 có giá 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) và xe Honda Dylan Biển số 60B1-508.23 có giá 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng)".*

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Chị Nguyễn Thị Khánh H, Hùng Thu H1, anh Nguyễn Văn P1 không yêu cầu bồi thường;

Chị Thái Thị Ngọc B yêu cầu bồi thường số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và anh Đào Văn L yêu cầu bồi thường số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã xử lý trả lại:

Xe mô tô SH150i, biển số 60F2-187.93 và xe SYM Elegent, biển số 60AA-114.23 cho chị Nguyễn Thị Khánh H.

Xe Honda Dylan, biển số 60B1-508.23 cho anh Nguyễn Văn P1.

Xe Yamaha Noza, biển số 60F1-263.98 cho chị Hùng Thu H1.

Đối với xe Honda Cub, biển số 86P1-0425, số máy VZS139MB141479, xe không có số khung, B và T1 dùng làm phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra đang tạm giữ nhưng chưa xác minh được nguồn gốc; Xe mô tô Lyfan (không rõ biển số), T1 dùng chở B đi trộm cắp tài sản và xe SYM Elizabeth (không rõ biển số), T1 chở M đi tiêu thụ tài sản chưa thu hồi được nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phan Nguyên T, Trần Văn B và Ung Nhật T1 thừa nhận hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Khánh H chiếc xe mô tô SH150i, biển số 60F2-187.93 và xe SYM Elegent, biển số 60AA-114.23 có tổng giá trị là 64.890.000 đồng; riêng bị cáo Trần Quang T không thừa nhận việc có

tham gia cùng các bị cáo khác và bị cáo cũng không biết các bị cáo khác chiếm đoạt xe như thế nào. Các bị cáo Trần Văn B và Ung Nhật T1 còn chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn P1 chiếc xe honda Dylan, biển số 60B1-508.23 và chị Hùng Thu H1 chiếc xe Yamaha Noza, biển số 60F1-263.98 có tổng giá trị là 26.000.000 đồng. Bị cáo Trần Thị Ngọc M tiêu thụ tài sản là chiếc xe SYM Elegent, biển số 60AA-114.23, có giá trị là 9.540.000 đồng; còn Nguyễn Minh P chứa chấp tài sản là chiếc xe môtô SH150i, biển số 60F2-187.93 có giá trị là 55.350.000 đồng. Các bị cáo đều xác định lời khai tại quá trình điều tra là do các bị cáo tự nguyện khai nhận, không bị ép cung, mớm cung, nên các bị cáo không có ý kiến khiếu nại đối với các quyết định, hành vi của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Các bị cáo cũng không có ý kiến gì về các Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKSBH ngày 25/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo Phan Nguyên T, Trần Quang T, Trần Văn B và Ung Nhật T1 về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Trần Thị Ngọc M về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Minh P về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phan Nguyên T, Trần Văn B và Ung Nhật T1 thừa nhận hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Khánh H chiếc xe mô tô SH150i, biển số 60F2-187.93 và xe SYM Elegent, biển số 60AA-114.23 có tổng giá trị là 64.890.000 đồng; riêng bị cáo Trần Quang T không thừa nhận hành vi tham gia cùng các bị cáo khác nhưng căn cứ các tài liệu, chứng cứ cũng như lời khai của các bị cáo còn lại đã chứng minh được việc bị cáo Trần Quang T có tham gia chiếm đoạt tài sản của chị H. Các bị cáo Trần Văn B và Ung Nhật T1 còn chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn P1 chiếc xe honda Dylan, biển số 60B1-508.23, của chị Hùng Thu H1 chiếc xe Yamaha Noza, biển số 60F1-263.98 có tổng giá trị là 26.000.000 đồng. Bị cáo Trần Thị Ngọc M tiêu thụ tài sản là chiếc xe SYM Elegent, biển số 60AA-114.23 có giá trị là 9.540.000 đồng; còn Nguyễn Minh P chứa chấp tài sản là chiếc xe môtô SH150i, biển số 60F2-187.93 có giá trị là 55.350.000 đồng là các tài sản do phạm tội mà có.

Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phan Nguyên T, Trần Quang T, Trần Văn B và Ung Nhật T1 về tội *"Trộm cắp tài sản"*; Trần Thị Ngọc M về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* và Nguyễn Minh P về tội *"Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có";* đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo **Phan Nguyên T** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo **Trần Quang T** từ 02 năm 08 tháng đến 03 năm 02 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo **Trần Văn B** từ 03 năm 08 tháng đến 04 năm 02 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo **Ung Nhật T1** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo **Trần Thị Ngọc M** từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Minh P** từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

- Buộc các bị cáo Phan Nguyên T, Trần Quang T, Trần Văn B, Ung Nhật T1 và Trần Thị Ngọc M bồi thường cho chị Thái Thị Ngọc B số tiền 3.000.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Trần Văn B và Ung Nhật T1 bồi thường cho anh Đào Văn L số tiền 7.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã xử lý trả lại tài sản cho các bị hại nên không xem xét, giải quyết.

Đối với xe Honda Cub biển số 86P1-0425, số máy VZS139MB141479, xe không có số khung, B và T1 dùng làm phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra đang tạm giữ nhưng chưa xác minh được nguồn gốc; Xe mô tô Lyfan (không rõ biển số) T1 dùng chở B đi trộm cắp tài sản và xe SYM Elizabeth (không rõ biển số) T1 chở M đi tiêu thụ tài sản chưa thu hồi được nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Phan Nguyên T nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hối hận về hành vi của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Trần Quang T nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy ăn nă, hối hận về hành vi của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Trần Văn B nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Ung Nhật T1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Trần Thị Ngọc M nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo còn con nhỏ nên mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Minh P nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở tài liệu chứng cứ và lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 01 giờ ngày 03/8/2020, Phan Nguyên T điều khiển xe Honda Cub biển số 86P1-0425, chở Trần Quang T đi kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến nhà chị Nguyễn Thị Khánh H, Phan Nguyên T phát hiện trong nhà có xe mô tô SH150i, biển số 60F2-187.93 và xe SYM Elegent, biển số 60AA-114.23 nên Nguyên T và Quang T về rủ thêm Trần Văn B và Ung Nhật T1 cùng quay lại trộm cắp 02 xe mô tô trên. Sau đó, Phan Nguyên T và Trần Quang T đi bộ, còn T dùng xe mô tô hiệu Lyfan (không rõ biển số) chở B qua nhà chị H thì T1 đi về nhà ngủ. Sau đó, Phan Nguyên T cùng đồng bọn chiếm đoạt 02 chiếc xe nói trên.

Đối chiếc xe SH150i, Biển số 60F2-187.93, Phan Nguyên T gọi điện cho Nguyễn Minh P nhờ cất giấu, P đồng ý và để tại phòng trọ của P thuộc khu phố Vườn Dừa, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa.

Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Trần Văn B cùng Trần Thị Ngọc M và Ung Nhật T1 mang xe SYM Elegent, biển số 60AA-114.23 đến tiệm cầm đồ Minh Phát 88, do chị Thái Thị Ngọc B làm chủ cầm được 3.000.000 đồng. M cho T1 200.000

đồng, cho B 500.000 đồng, đưa cho Nguyên T 2.000.000 đồng, M giữ lại 300.000 đồng. Số tiền trên, B, T1, M và Nguyên T đã tiêu xài cá nhân hết.

Mặc dù tại phiên toà, bị cáo Trần Quang T không thừa nhận hành vi tham gia chiếm đoạt tài sản của chị H nhưng căn cứ những lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như lời khai của bị cáo Phan Nguyên T, Trần Văn B tại phiên toà xác định bị cáo Trần Quang T có mặt tại nhà chị H và là người chạy chiếc xe SYM Elegent, biển số 60AA-114.23 về nhà cất giấu đã đủ căn cứ xác định bị cáo tham gia cùng các bị cáo khác để chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Khánh H.

Ngoài ra, Trần Văn B và Ung Nhật T1 còn thực hiện 02 vụ trộm cắp khác tại phường E, thành phố Biên Hòa, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 24/7/2020, Trần Văn B điều khiển xe Honda Cub biển số 86P1-0425 chở Ung Nhật T1 đến trước nhà số C39, tổ 5C, khu phố 1, phường E, thành phố Biên Hòa thì thấy xe mô tô hiệu Honda Dylan màu đỏ biển số 60B1-508.23 của anh Nguyễn Văn P1 dựng trước nhà không người trông coi, có cắm sẵn chìa khóa trên ổ khóa điện của xe. B dừng xe lại để T1 đi bộ đến lấy trộm xe nói trên. Sau đó, T1 bán xe cho anh Đào Văn L với giá 7.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 08 giờ ngày 30/7/2020, B điều khiển xe Honda Cub biển số 86P1-0425 chở T1 đến trước nhà số C7, Nguyễn Bỉnh Khiêm, khu phố 2, phường E, thành phố Biên Hòa thì thấy xe mô tô hiệu Yamaha Noza màu trắng, biển số 60F1-263.98 của chị Hùng Thu H1 dựng trước nhà không người trông coi, có cắm sẵn chìa khóa trên ổ khóa điện của xe. B dừng xe lại để T1 đi bộ đến lấy trộm chiếc xe. Sau đó, B bán chiếc xe cho Lê Hoàng V (không rõ lai lịch) với giá 3.500.000 đồng.

[3] Tại Kết luận định giá số 359/KL-HĐĐGTS ngày 11/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: *Chiếc xe môtô SYM Elegent, biển số 60AA-144.23 có giá 9.540.000 đồng (Chín triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng) và chiếc xe môtô SH150i, biển số 60F2-187.93 có giá 55.350.000 đồng (Năm mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)”*.

Tại Bản kết luận định giá số 456/KL-HĐĐGTS ngày 14/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: *Xe Yamaha Noza Biển số 60F1-263.98 có giá 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) và xe Honda Dylan Biển số 60B1-508.23 có giá 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng)”*.

Do đó, hành vi của các bị cáo Phan Nguyên T, Trần Quang T, Trần Văn B và Ung Nhật T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173; Trần Thị Ngọc M cấu thành tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* và Nguyễn Minh P cấu thành tội *“Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền thỏa mãn nhu cầu của cá nhân nên các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo còn gây tâm lý bất an trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo B, T1 liên tiếp thực hiện 03 lần phạm tội, trong khi bị cáo Phan Nguyên T, Trần Văn B đều đã có 01 tiền án nhưng các bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học để sửa đổi mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần có mức hình phạt thật nghiêm để cải tạo, răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét vai trò các bị cáo trong vụ án này tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc, thỏa thuận, hứa hẹn hay phân công nhau để thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo Phan Nguyên T, Trần Quang T và Trần Văn B đều trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, Ung Nhật T1 giữ vai trò giúp sức trong việc chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Khánh H, đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn P1, chị Hùng Thu H1. Còn bị cáo Trần Thị Ngọc M và Nguyễn Minh P mặc dù không hứa hẹn trước nhưng sau khi nghe các bị cáo nói về số tài sản do trộm cắp mà có được thì cũng đồng ý chứa chấp và đi tiêu thụ cùng các bị cáo nên phải chịu trách nhiệm về hành vi chứa chấp và tiêu thụ tài sản do trộm cắp có được.

[5] Về nhân thân:

Bị cáo Phan Nguyên T có 01 tiền án về tội "Cướp tài sản".

Bị cáo Trần Văn B có 01 tiền án về tội "Giết người" và nhân thân, cụ thể:

Ngày 18/9/2003, bị Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ra Quyết định đưa vào Cơ sở giáo dục thời gian 12 tháng.

Ngày 01/9/2005, bị Tòa án nhân dân TP. Biên Hoà xử phạt 14 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Ngày 19/01/2010, bị Tòa án nhân dân TP. Biên Hoà xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo Nguyễn Minh P có 01 nhân thân về tội "Cố ý gây thương tích".

Bị cáo Trần Quang T, Ung Nhật T1 và Trần Thị Ngọc M có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phan Nguyên T phạm vào tình tiết "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn B phạm vào tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" và "Tái phạm" quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Ung Nhật T1 phạm vào tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Quang T, Nguyễn Minh P và Trần Thị Ngọc M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phan Nguyên T, Trần Văn B, Ung Nhật T1, Nguyễn Minh P và Trần Thị Ngọc M thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; bị cáo Trần Thị Ngọc M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng bị cáo Trần Quang T tại phiên toà vẫn thể hiện thái độ không thành khẩn, quanh co, chối tội nên không được áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[9] Về biện pháp tư pháp:

- Chị Nguyễn Thị Khánh H, chị Hùng Thu H1 và anh Nguyễn Văn P1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

- Buộc các bị cáo Phan Nguyên T, Trần Văn B, Trần Quang T, Ung Nhật T1 và Trần Thị Ngọc M liên đới bồi thường cho chị Thái Thị Ngọc B số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Chia phần mỗi bị cáo 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng)

- Buộc các bị cáo Trần Văn B và Ung Nhật T1 liên đới bồi thường cho anh Đào Văn L số tiền 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng). Chia phần mỗi bị cáo 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với xe Honda Cub biển số 86P1-0425, số máy VZS139MB141479, xe không có số khung, chưa xác minh được nguồn gốc; Xe mô tô Lyfan (không rõ biển số) T1 dùng chở B đi trộm cắp tài sản và xe SYM Elizabeth (không rõ biển số) T1 chở M đi tiêu thụ tài sản chưa thu hồi được, do đó đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý.

Đối với Lê Hoàng V là người mua chiếc xe Yamaha Noza, biển số 60F1-263.98, chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên tiếp tục xác minh, làm rõ.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo Phan Nguyên T, Trần Quang T, Trần Văn B và Ung Nhật T1 về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173; Trần Thị Ngọc M về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* và Nguyễn Minh P về tội *"Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Nguyên T, Trần Quang T, Trần Văn B và Ung Nhật T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Trần Thị Ngọc M phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* và bị cáo Nguyễn Minh P phạm tội *"Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Phan Nguyên T 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2020.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo **Trần Quang T 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2020.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo **Trần Văn B 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2020.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo **Ung Nhật T1 03 (ba) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo **Trần Thị Ngọc M 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 05/8/2020 đến ngày 03/11/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Minh P 08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2020.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

- Buộc các bị cáo Phan Nguyên T, Trần Văn B, Trần Quang T, Ung Nhật T1 và Trần Thị Ngọc M liên đới bồi thường cho chị Thái Thị Ngọc B số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Chia phần mỗi bị cáo 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng)

- Buộc các bị cáo Trần Văn B và Ung Nhật T1 liên đới bồi thường cho anh Đào Văn L số tiền 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng). Chia phần mỗi bị cáo 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phan Nguyên T, Trần Văn B, Trần Quang T, Ung Nhật T1, Trần Thị Ngọc M và Nguyễn Minh P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Phan Nguyên T, Trần Quang T, Trần Thị Ngọc M, Trần Văn B, Ung Nhật T1 mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phan Nguyên T, Trần Văn B, Trần Quang T, Ung Nhật T1, Trần Thị Ngọc M và Nguyễn Minh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Nguyễn Thị Khánh H, anh Nguyễn Văn P1, chị Hùng Thu H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị Ngọc B, anh Dương Đức H, ông Đào Văn L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan thi hành án hình sự thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Đức